

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Minh Thư

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Tổ 3, Khu Đ, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Đ; nơi cư trú: Tổ 3, Khu Đ, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-08-2019, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, chị và

anh Đ sống chung với bố mẹ chồng tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Anh Đ có hành vi xúc phạm và đả đập chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến nay, vợ chồng vẫn không thể hòa giải được, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 17-6-2012 và Bùi Ngọc Á, sinh ngày 19-8-2013. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cháu Bùi Ngọc Á, giao cháu Bùi Văn T cho anh Đ nuôi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-9-2019 anh Đ cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị T và anh Đ cư trú và gia đình anh Đ xác định: Hiện tại anh Đ vẫn cư trú tại khu Đ, phường H, quận D. Chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn đã lâu, anh chị đã được hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên họp tiếp cận kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt nên không hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18-10-2019 nhưng anh Đ vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 29-10-2019.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh Đ. Về con chung, chị nhận nuôi cháu Bùi Ngọc Á, giao cháu Bùi Văn T cho anh Đ nuôi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị T được ly hôn anh Đ, về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là cháu Bùi Ngọc Á cho chị T nuôi, giao cháu Bùi Văn T cho anh

Đ nuôi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Bùi Văn Đ cư trú tại phường H, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án nhân dân quận D tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ cố tình vắng mặt, không đến Tòa án nên không T hành hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần thứ hai và tổng đạt hợp lệ cho anh Đ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh Đ theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi chị T và anh Đ cư trú và qua lời khai của mẹ đẻ anh Đ đều xác định: Chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị T và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh Đ có ý kiến muốn hòa giải đoàn tụ tuy nhiên khi Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt nên không T hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là là Bùi Văn T, sinh ngày 17-6-2012 đang ở với anh Đ và Bùi Ngọc Á, sinh ngày 19-8-2013 đang ở với chị T. Qua xác minh tại gia đình anh Đ cho thấy: Hiện nay cháu Bùi Văn T đang ăn ở sinh hoạt, học hành ổn định tại gia đình anh Đ, cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ; cháu Bùi Ngọc Á là con gái đang ở với chị T. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung: Giao cho anh Đ nuôi con chung Bùi Văn T, giao cho chị T nuôi con chung Bùi Ngọc Á là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn T, sinh ngày 17-6-2012; giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Bùi Ngọc Á, sinh ngày 19-8-2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014241 ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D, Hải Phòng
(Số 17/2010);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Hải